TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9- 2021
"*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Bà Võ Thị Thúy An.

2. Ông Danh Thi.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Danh Khênh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 và thông báo về việc mở lại phiên tòa: 25/2021/TB-TA ngày 20 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.(có mặt)

* Bị đơn: Anh Võ Thanh T, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt tại phiên tòa)

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh huyện C, địa chỉ Khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Người đại diện: Bà Sử Thị Huyền T - chức vụ Phó Giám đốc chi nhánh. (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa);

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa);

- Bà Cao Thị L, sinh năm 1960; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa);

- Ông Dương Văn D, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa);

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa);

- Bà Trần Ngọc H, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày*:

Về hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình chung sống cuộc sống vợ chồng cũng rất hạnh phúc. Nhưng đến năm 2017 do làm ăn thua lỗ nên anh T lên thành phố thuê, thời gian đầu thì anh còn gửi tiền về cho mẹ con chị nhưng sau đó thì không gửi nữa. Chị đã nhiều lần liên lạc trao đổi với anh T nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Chị L xác định anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên không thể hàn gắn. Vì vậy, chị L xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Võ Thị Mộng N, sinh ngày 15/6/2005 giới tính nữ và Võ Thị Mỹ Đ, sinh ngày 09/10/2010 giới tính nữ, các con hiện đang sống chung với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có nợ của ông Nguyễn Văn T 30.000.000 đồng, vay của ông Dương Văn D 14.000.000 đồng, vay của Nguyễn Văn K 80.000.000 đồng, vay của Trần Ngọc H 18.000.000 đồng, nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh huyện C số tiền 40.0000.000 đồng và nợ của bà Cao Thị L 30 chỉ vàng 24k loại 98%. Nay ly hôn chị L yêu cầu anh T phải có trách nhiệm trả hết các khoản nợ trên. Vì anh T vay cá nhân nên chị L không biết.

Tại phiên tòa chị T xin rút lại yêu cầu buộc anh T chia tài sản chung gồm các khoảng nợ mà chị đã kê khai khi khởi kiện. Chị L sẽ chịu trách nhiệm trả nợ cho các chủ nợ trên.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Võ Thanh T để anh trình bày ý kiến của mình đối

với yêu cầu khởi kiện của chị L cũng như tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh T không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rỏ lý do.

** Tại đơn khởi kiện ngày 17/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K trình bày*: Năm 2015 ông có cho chị Nguyễn Thị L và Võ Thanh T vay số tiền 80.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 03 phẩy, đóng lãi được 02 lần với số tiền 4.800.000 đồng. Nay anh T và chị L ly hôn ông K yêu cầu anh chị phải trả lại số tiền vốn gốc là 80.000.000 đồng.

Ngày 30/11/2020 ông K có đơn xin rút lại toàn bộ nội dung đơn khởi kiện với lý do hoàn cảnh chị L khó khăn nên ông để cho chị trả dần số tiền trên, không yêu cầu giải quyết trong vụ án ly hôn. Nếu có tranh chấp anh khởi kiện trong vụ kiện khác.

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Cao Thị L trình bày*: Vào năm 2016 chị Nguyễn Thị L và Võ Thanh T có vay của chị số vàng là 30 chỉ vàng 24 k loại 98 % đến nay chưa trả. Nay anh T và chị L ly hôn chị L yêu cầu anh chị phải trả lại số vàng còn thiếu.

Ngày 30/11/2020 chị L có đơn xin rút lại toàn bộ nội dung đơn khởi kiện với lý do hoàn cảnh chị L khó khăn nên chị để cho chị L trả dần số vàng trên, không yêu cầu giải quyết trong vụ án ly hôn. Nếu có tranh chấp anh khởi kiện trong vụ kiện khác.

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày*: Trước đây chị Nguyễn Thị L và Võ Thanh T có vay của ông số tiền 30.000.000 đồng đến nay chưa trả. Nay anh T và chị L ly hôn ông T yêu cầu anh chị phải trả lại số tiền còn thiếu là 30.000.000 đồng.

Ngày 30/11/2020 ông T có đơn xin rút lại toàn bộ nội dung đơn khởi kiện với lý do hoàn cảnh chị L khó khăn nên ông để cho chị trả dần số tiền trên, không yêu cầu giải quyết trong vụ án ly hôn. Nếu có tranh chấp anh khởi kiện trong vụ kiện khác.

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn D trình bày*: Trước đây vào năm 2016 chị Nguyễn Thị L và Võ Thanh T có vay của ông số tiền 17.000.000 đồng đến nay chưa trả. Nay anh T và chị L ly hôn ông T yêu cầu anh chị phải trả lại số tiền còn thiếu là 17.000.000 đồng.

Ngày 30/11/2020 ông D có đơn xin rút lại toàn bộ nội dung đơn khởi kiện với lý do hoàn cảnh chị L khó khăn nên ông để cho chị trả dần số tiền trên, không yêu cầu giải quyết trong vụ án ly hôn. Nếu có tranh chấp anh khởi

kiện trong vụ kiện khác.

* Tại bản tự khai đề ngày 22/01/2020 chị Trần Thị Ngọc H trình bày: Vào năm 2017 vợ chồng anh T, chị L có tham gia chơi hụi do chị H làm chủ hụi. Khi lĩnh hụi xong còn nợ lại 21.000.000 đồng sau đó trả được 3.000.000 đồng, còn nợ lại 18.000.000 đồng. Nhưng chị H không khởi kiện trong vụ kiện này. Nếu sau này có tranh chấp chị sẽ khởi kiện trong vụ kiện khác.

* Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh huyện Vĩnh Thuận. Người đại diện: Bà Sử Thị Huyền T - Phó giám đốc phòng giao dịch trình bày: Vào năm 2017 Ngân hàng có ký hợp đồng vay vốn với ông Võ Thanh T và người thừa kế chị Nguyễn Thị L. Theo đó, Ngân hàng cho ông T và bà L vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm từ ngày 30/3/2017 đến ngày 18/3/2022, lãi suất 0.55% /tháng. Tính đến ngày 03/02/2020 hộ anh T, chị L còn dư nợ tại ngân hàng chính sách xã hội huyện Vĩnh Thuận số tiền 42.531.505 đồng trong đó vốn gốc 40.000.000 đồng, lãi 2.531.505 đồng. Vì khoản vay chưa đến hạn trả nợ cuối cùng, nên Ngân hàng không khởi kiện yêu cầu trả nợ trong vụ kiện này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Cao Thị L, chị Trần Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn T, ông Dương Văn D, bà Sử Thị Huyền T và ông Nguyễn Văn K có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L, chị H, ông K, ông T, ông D và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam là phù hợp.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Về hôn nhân: áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Võ Thanh T.

Về con chung: áp dụng Điều 81, Điều 82 xử giao 02 cháu Võ Thị Mộng N sinh ngày 15/6/2005 và Võ Thị Mỹ Đ sinh ngày 09/10/2010 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về nợ chung: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Chị H không yêu cầu nên không xem xét. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập nhưng có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 244 Bộ Luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu của ông K, ông T, ông D và chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] *Về thủ tục tố tụng:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Cao Thị L, chị Trần Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn T, ông Dương Văn D và ông Nguyễn Văn Kh và bà Sử Thị Huyền T có đơn xin vắng mặt; Bị đơn anh Võ Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của chị L, chị H, ông K, ông T, ông D và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam và anh T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người vắng mặt nêu trên.

Nguyên đơn chị L yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con với bị đơn anh T và chị L có yêu cầu giải quyết về nợ chung và những người có liên quan có yêu cầu độc lập yêu cầu chị L và anh T phải trả tiền vay còn thiếu. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn và tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh T có nơi cư trú tại ấp A, xã B, huyện C theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông K, ông T, ông D và chị L có đơn xin rút yêu cầu đối với chị L và anh T đối với số tiền nợ họ đã yêu cầu, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 244 Bộ Luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông K, ông T, ông D và chị L.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**2**] *Nội dung vụ án*:

[**2.1**] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh T và chị L xác lập quan hệ hôn nhân và anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang đã được

cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân từ năm 2017. Nay chị L cương quyết yêu cầu ly hôn anh T không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có văn bản thể hiện ý kiến gì cho Tòa án xem xét, cố tình vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác anh chị đã sống ly thân tứ năm 2017 đến nay Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng Điều 56 (Ly hôn theo yêu cầu của một bên) của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Võ Thanh T.

[**2.2**] *Về con chung*: Theo trình bày của chị L, giấy khai sinh và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện anh T và chị L có 02 người con chung tên là Võ Thị Mộng N sinh ngày 15/6/2005 và Võ Thị Mỹ Đ sinh ngày 09/10/2010, con hiện đang sống chung với chị L. Nay ly hôn chị L cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi 02 con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ lúc ly thân đến nay chị L là người trực tiếp nuôi con, chính quyền địa phương xác nhận chị L đủ điều kiện để nuôi con nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao 02 cháu là Võ Thị Mộng N sinh ngày 15/6/2005 và Võ Thị Mỹ Đ sinh ngày 09/10/2010 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng anh T không phải cấp dưỡng nuôi con (*điều này cũng phù hợp theo nguyện vọng của cháu N và cháu Đ*) anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu (*trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật)*. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[**2.3**] *Về tài sản chung:*

[2.3.1] *Tài sản có:* Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3.2] *Về nợ*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L thống nhất chịu trách nhiệm trả nợ cho những người mà vợ chồng chị nợ. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Chị H không yêu cầu nên không xem xét. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập nhưng có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên HĐXX áp dụng Điều 244 Bộ Luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông K, ông T, ông D và chị L đối với chị L và anh T.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[**3**] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147, khoản 3 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ chị L chịu toàn bộ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án số 0006309 ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông K, ông T, ông D và chị L xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông K là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009736 ngày 24 tháng 02 năm 2020, của ông T là 750.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006343 ngày 10 tháng 02 năm 2020, ông D là 350.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006347 ngày 10 tháng 02 năm 2020 và chị L là 3.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009702 ngày 10 tháng 02 năm 2020 tất cả các biên lai thu tiền đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 218, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Võ Thanh T.

2-Về con chung: Giao 02 cháu là Võ Thị Mộng N sinh ngày 15/6/2005 và Võ Thị Mỹ Đ sinh ngày 09/10/2010 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng anh T không phải cấp dưỡng nuôi con (*điều này cũng phù hợp theo nguyện vọng của cháu N và cháu Đ*) anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu (*trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật)*. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3-Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4-Về nợ: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông K với số tiền 80.000.000 đồng; ông T với số tiền 30.000.000 đồng; ông D với số tiền 17.000.000 đồng

và chị L đối với số vàng 30 chỉ vàng 24 k loại 98% đối với chị L và anh T.

5-Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ chị L chịu toàn bộ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án số 0006309 ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Kh là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009736 ngày 24 tháng 02 năm 2020; ông T là 750.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006343 ngày 10 tháng 02 năm 2020; ông D là 350.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006347 ngày 10 tháng 02 năm 2020 và chị L là 3.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009702 ngày 10 tháng 02 năm 2020 tất cả các biên lai thu tiền đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

6- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/9/2021); bị đơn Võ Thanh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Thị Mỹ Vinh
(Đã ký)